

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách			
							Trong đó: vốn ngân sách	Nguồn vốn khác		Vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn khác		Vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn khác		Vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn khác		
1	2	3	7	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng								5.438.232	5.438.232	-	3.848.412	3.848.412	-	489.538	489.538	-		
I	UBND đặc khu Phú Quốc								5.438.232	5.438.232	-	3.848.412	3.848.412	-	489.538	489.538			
1	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH								5.000.000	5.000.000	-	3.804.451	3.804.451	-	235.693	235.693	-		
	Ghi thu ghi chi	PQ							5.000.000	5.000.000		3.804.451	3.804.451		235.693	235.693		UBND đặc khu Phú Quốc	
2	NGUỒN TĂNG THU TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH					692.870	692.870	-	438.232	438.232	-	43.961	43.961	-	253.845	253.845	-		
	Ngành/linh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề					214.663	214.663	-	89.131	89.131	-	28.296	28.296	-	49.467	49.467	-		
	Thực hiện đầu tư					214.663	214.663	-	89.131	89.131	-	28.296	28.296	-	49.467	49.467	-		
	Trường mầm non Dương Đông tại khu 67,5 ha	ĐĐ		2025-2026	6599 11/12/2023	56.000	56.000		21.541	21.541		12.500	12.500		9.041	9.041		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	ĐĐ		2025-2026	6598 11/12/2023	120.000	120.000		36.710	36.710		15.516	15.516		11.194	11.194		UBND đặc khu Phú Quốc	
	XDM Khỏi hành chính quản trị, phòng hoạt động Đội, hàng rào, sân nền và nhà xe các điểm trường	PQ		2024-2026	5568 07/11/2024	3.134	3.134		2.670	2.670		120	120		2.292	2.292		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Trường TH-THCS Bãi Bồn	HN		2024-2026	5772 28/11/2024	12.864	12.864		10.060	10.060		60	60		9.750	9.750		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Trường TH Cửa Dương 2 - Điểm chính	CD		2024-2026	5770 28/11/2024	13.900	13.900		11.100	11.100		100	100		10.140	10.140		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Xây dựng tường rào các điểm trường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ		2025-2027	1350; 18/4/2025	8.765	8.765		7.050	7.050					6.750	6.750		UBND đặc khu Phú Quốc	
	XDM các trường học đạt chuẩn quốc gia	PQ		2025-2027	7490; 31/12/2024	14.900	14.900								300	300	0	UBND đặc khu Phú Quốc	
	Ngành/linh vực: Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước					478.207	478.207	-	349.101	349.101	-	15.665	15.665	-					
	Dự án chuyển tiếp					54.500	54.500	-	43.739	43.739	-	14.915	14.915	-	204.378	204.378	-		
	Đường nhánh số 2 - Khu vực Bãi Trường	DT		2021-2025	3508 07/7/2023	40.000	40.000		31.748	31.748		9.925	9.925		28.834	28.834		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa dây nhà làm việc, hàng rào, sân nền, thoát nước thuộc trụ sở UBND thành phố Phú Quốc	ĐĐ		2024-2025	2595 28/06/2024	13.000	13.000		10.560	10.560		3.960	3.960		21.823	21.823		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Nâng cấp, cải tạo, phòng tiếp khách và phòng truyền thống văn phòng thành ủy	ĐĐ		2024-2025	2597 28/06/2024	1.500	1.500		1.431	1.431		1.030	1.030		6.600	6.600		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Thực hiện đầu tư					423.707	423.707	-	222.512	222.512	-	750	750	-	411	411	-		-
	Trung tâm hành chính phường An Thới	AT		2024-2026	5773 28/11/2024	35.000	35.000		10.100	10.100		100	100		174.273	174.273		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ		2025-2026	557 06/03/2025	24.900	24.900		15.200	15.200		200	200		147	147		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Đường dẫn vào bãi rác tạm Đồng Cây Sao	CD		2024-2025	7513; 31/12/2024	1.191	1.191		1.110	1.110		50	50		12.000	12.000		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Bờ kè Rạch ông tri (giai đoạn 2)	ĐĐ		2025-2026	432 25/02/2025	118.446	118.446		33.200	33.200		200	200		1.060	1.060		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Đường ven biển Bãi Trường	DT		2020-2025	1356 18/4/2025	154.923	154.923		90.355	90.355					33.000	33.000		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Đường Suối Cái Gành Dầu (Đoạn từ ngã ba Rạch Vẹm -Gành Dầu)	GD		2022-2025	1355 18/4/2025	29.641	29.641		20.000	20.000					90.355	90.355		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Đường đầu nối xung quanh Quảng trường và Trung tâm Hành chính	ĐĐ		2024-2026	1348 18/4/2025	38.394	38.394		30.200	30.200		200	200		8.500	8.500		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Đường tạm qua Nhà Ga sân bay cũ	ĐĐ		2025-2026	1352 18/4/2025	572	572		600	600					16.000	16.000		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Đường bê tông qua nhà máy xử lý rác	CD		2025-2026	1353 18/4/2025	1.191	1.191		1.200	1.200					539	539		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Cải tạo, sửa chữa công viên Bạch Đằng	ĐĐ		2025-2026	1347 18/4/2025	847	847		847	847					1.107	1.107		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Mua mới tủ máy phát điện cho trạm phát điện xã Thổ Châu	TC		2025-2027	1349 18/4/2025	6.500	6.500		6.500	6.500					847	847		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Nâng cấp, cải tạo các phòng ban và chỉnh trang đô thị	ĐĐ		2024-2026	1351; 18/4/2025	12.102	12.102		13.200	13.200					6.018	6.018		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Chuẩn bị đầu tư					-	-	-	82.850	82.850	-	-	-	-	4.700	4.700	-		-
	XDM Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Hội cựu chiến binh và UBND các xã								13.000	13.000					1.271	1.271		UBND đặc khu Phú Quốc	
	XDM các trường học đạt chuẩn quốc gia								15.200	15.200					10	10		UBND đặc khu Phú Quốc	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025			Luỹ kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Cơ quan/đơn vị quản quản lý vốn	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách			
							Trong đó: vốn ngân sách	Nguồn vốn khác		Vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn khác		Vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn khác		Vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn khác		
1	2	3	7	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Phòng Tài nguyên và Môi trường								50	50					10	10		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Xây dựng mới hệ thống phòng cháy chữa cháy các chợ thuộc phường An Thới								2.900	2.900					10	10		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Phú Quốc (6.0187 ha)								50.000	50.000					461	461		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư phường An Thới								300	300					0	0		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư Hầm Ninh mở rộng								500	500					10	10		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư ấp Suối Mây								300	300					300	300		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Nâng cấp, cải tạo Khu tái định cư Gành Dầu								100	100					10	10		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư Hòn Thơm								200	200					200	200		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư phường Dương Đông								50	50					10	10		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư xã Cửa Cạn								50	50					50	50		UBND đặc khu Phú Quốc	
	Khu tái định cư An Thới (7.075 ha)								200	200					200	200		UBND đặc khu Phú Quốc	